

# SINH HOẠT TÍN NGƯỠNG TÔN GIÁO NHÌN TỪ MỘT SỐ ĐIỆN THỜ TƯ GIA Ở HÀ NỘI

LÊ THỊ CHIÊNG<sup>(\*)</sup>

1. Tôn giáo là một thực thể khách quan của xã hội loài người, xuất hiện rất sớm, từ khi con người hiện đại ra đời. Trong lịch sử, có những thời kì nó có tác động lớn đến toàn bộ xã hội, giữ địa vị thống trị như ở Châu Âu thời kì Trung Cổ. Sự phát triển của khoa học suốt thế kỉ XIX và nửa đầu thế kỉ XX đã làm cho vị thế của tôn giáo giảm dần và gần như mất hẳn vai trò thống trị xã hội. Nhưng từ những năm 70 của thế kỉ XX trở đi, do sản xuất phát triển, cuộc sống vật chất ngày càng đầy đủ hơn, nhất là ở các nước giàu có phương Tây, người ta lại cần đến những nhu cầu tinh thần và dường như những nhu cầu ấy lại khó tìm thấy ở các nước phát triển phương Tây nên cuộc tìm kiếm được hướng sang phương Đông. Người phương Đông nói chung, trong đó có người Việt Nam, từ trong sâu thẳm của tâm hồn luôn có “Cái Gì Đó” để tin hoặc hoài nghi. Vì thế, trong điều kiện hiện nay, mặc dù khoa học đã phát triển đến mức con người có thể sẽ tái tạo được chính mình không phải đơn lẻ mà hàng loạt bằng cách nhân phôi, việc làm mà ngay đến cả Thượng Đế trước đây cũng không thể nghĩ đến, vậy mà niềm tin tôn giáo vẫn cứ tồn tại. Sự biến đổi do thành tựu của khoa học hiện đại mang lại là rất lớn, song vẫn còn nhiều điều khoa học chưa thể giải thích được khiến người ta phải đi tìm một cái gì đấy ở bên ngoài thế

giới tự nhiên. Đằng sau cái phồn vinh vật chất của xã hội hiện đại là vô vàn những mâu thuẫn tâm lí. Trước thực tế này người ta lại tìm đến tín ngưỡng tôn giáo nơi dễ tỏ bày tình cảm, giải tỏa được những lo âu oan ức, mà theo cách nói dân gian Việt Nam “chỉ biết ăn ở với Giời”.

2. Để tiện cho việc tìm hiểu các điện thờ tư gia như một hiện tượng tín ngưỡng tôn giáo đặc thù ở Việt Nam, chúng tôi sử dụng khái niệm tín ngưỡng tôn giáo trong bài viết này không căn cứ vào nội hàm của nó theo quan niệm của các nhà tôn giáo học phương Tây, mà chỉ dựa vào quan niệm về tín ngưỡng tôn giáo trong tư tưởng Phương Đông.

Nội hàm của khái niệm tín ngưỡng tôn giáo dùng ở đây được hiểu là những đức tin thiêng liêng đến mức người ta tôn thờ và hành động theo nó. Tin như thế nào, người ta hành động (sống) như thế ấy. Người Việt Nam chúng ta thường dùng chữ *đạo* để chỉ tôn giáo, thậm chí để chỉ tín ngưỡng. Thí dụ, người ta thường nói đạo Phật, đạo Kitô, đạo Tin Lành, đạo Cao Đài, đạo Hoà Hảo, đạo Mẫu, đạo Thờ Tổ Tiên, v.v... Như vậy, khái niệm tín ngưỡng tôn giáo mà chúng tôi dùng ở đây đồng nghĩa với đạo, với tín ngưỡng theo quan niệm Phương Đông. Tuy nhiên, hiện nay khi bộ môn tôn giáo học ở nước

---

\*. ThS., Đại học Văn hoá, Hà Nội.

ta đã hình thành, thì người ta bắt đầu bóc tách và phân biệt rạch ròi đâu là tín ngưỡng đâu là tôn giáo. Song giới hạn giữa hai cái cũng chỉ là tương đối.

**3.** Bước sang thời kì đổi mới, cũng như các lĩnh vực khác, đời sống văn hoá tinh thần của người dân có nhiều thay đổi, trong đó có lĩnh vực tôn giáo. Ở hầu khắp các địa phương, công cuộc trùng tu tôn tạo, xây dựng lại, xây mới các cơ sở tôn giáo như nhà thờ, đền, đình, chùa, v.v... diễn ra với tốc độ nhanh. Có thể nói, đến nay, gần như mỗi làng quê, phường phố đều có các công trình kiến trúc tôn giáo. Số người tham gia vào các hoạt động tín ngưỡng tôn giáo ngày một đông, bao gồm đủ các tầng lớp, lứa tuổi, giới tính. Hoạt động sôi động nhất là vào các tháng đầu năm, đặc biệt trong tháng giêng, tháng hai âm lịch và các ngày mừng một, ngày rằm hằng tháng. Điều này cho thấy sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo thực sự là nhu cầu của một bộ phận khá đông cư dân.

Hoà cùng không khí sôi động của các hoạt động tín ngưỡng tôn giáo là sự xuất hiện của các nhóm phái đạo, mà các nhà nghiên cứu gọi là “hiện tượng tôn giáo mới”. Theo một số nhà nghiên cứu, hiện nay ở nước ta có khoảng trên 50 hiện tượng tôn giáo mới. Vừa có lịch sử lâu đời, vừa là một phong trào mới, các điện thờ tư gia là một nét đặc thù trong đời sống tín ngưỡng tôn giáo của nước ta từ trước tới nay. Điện thờ tư gia ở Việt Nam, xuất hiện vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX. Trong thời kì cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng nền văn hóa mới, số điện thờ này đã được “giải” (xóa bỏ) đi rất nhiều. Cho đến những năm 70 của thế kỉ XX, gần như các điện thờ tư gia không còn hoạt động và nếu còn thì các điện thờ ấy cũng không hoạt động công khai, mà chỉ lén lút để duy trì. Số phận của các điện thờ tư gia giống như các đền, đình, miếu, chùa và các cơ sở thờ tự khác. Trong thời

kì này, một số cơ sở tín ngưỡng tôn giáo hoặc bị bỏ hoang tàn hoặc bị đem sử dụng vào mục đích phi tôn giáo. Còn đối với các điện thờ tư gia dù đã bị giải song vẫn còn lại khá nhiều. Sang đầu thập kỉ 80 của thế kỉ XX, bắt đầu khôi phục dần các hoạt động tín ngưỡng tôn giáo và cùng với nó là sự phục hồi và xây dựng mới các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, trong đó có các điện thờ tư gia. Có thể nói, trong khoảng 20 năm trở lại đây ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ, đặc biệt là Hà Tây, Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Thái Bình, điện thờ tư gia phát triển khá mạnh. Thậm chí, một số điện thờ lớn còn được gọi là Phủ, Bến đạo, v.v... Mỗi phủ hay điện thờ như thế thu hút hàng trăm người tham gia. Trước sự phát triển của hiện tượng tín ngưỡng tôn giáo này, qua bước đầu tìm hiểu và khảo sát sơ bộ một số điện thờ tư gia trên địa bàn Hà Nội chúng tôi tạm thời nêu lên một số vấn đề sau đây.

**3.1. Điện thờ tư gia** là một loại hình tín ngưỡng tôn giáo do cá nhân lập ra và được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác trong một dòng tộc. Sự kế thừa ở đây không phải cha truyền con nối theo dòng trưởng như thông thường mà chỉ truyền cho người có “căn duyên” (nghĩa là chỉ người có mệnh số định trước phải trông coi việc thờ cúng mới được truyền). Trường hợp hết người thừa kế thì phải *giải điện*. Các điện thờ này chiếm một phần diện tích nhà ở trong một gia đình nhưng ở vị trí trang trọng nhất. Vì vậy, các điện thờ này thuộc sở hữu tư nhân. Loại điện thờ tư gia phổ biến nhất hiện nay được lập từ những năm 80 của thế kỉ trước. Cũng có trường hợp các ngôi đền, đình vốn thuộc về cộng đồng được biến thành điện thờ tư nhân khi chúng bị bỏ hoang và được tư nhân bỏ tiền của ra tu tạo lại. Loại điện thờ này không thuộc sở hữu tư nhân nhưng do cá nhân trông giữ nên việc sử dụng không khác điện thờ tư gia. Các điện thờ tư gia đều hoạt động tự do, không chịu sự quản

lí của một tổ chức tôn giáo nào, tức là không nằm trong một tổ chức tôn giáo cụ thể nào.

**3.2. Tính đa dạng của các điện thờ tư gia.** Cơ sở để phân loại các điện thờ là thần điện, mà cách nhận biết thông thường là tượng thần được thờ và “văn thỉnh” (danh sách các vị thần được mời). Căn cứ vào hai điểm cơ bản trên đây có thể phân các điện thờ tư gia thành:

- *Điện thờ Phật*, thông thường là thờ Tam bảo (Tam thân hoặc Tam thế) và Bồ tát.

- *Điện thờ Đức Thánh Trần* thờ Trần Hưng Đạo và các vị quan tướng nhà Trần.

- *Điện thờ Mẫu*, nhưng thực chất là thờ *hồn hợp*: thờ Tam tòa Thánh Mẫu và quần thần của Mẫu là chính, ngoài ra còn có Phật, Đức Thánh Trần.

- *Điện thờ danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc.*

Sự phân loại trên đây chỉ là tương đối, vì trên thực tế, trong hầu hết các các điện thờ, cho dù không có tượng thần hoặc ban thờ riêng thì ngoài vị thần chính khi hành lễ chủ điện vẫn “mời” các vị nhiên thần, nhân thần khác. Từ đây, có thể tạm thời kết luận rằng các điện thờ tư gia không thuộc một tôn giáo nhất định nào mà mang tính *hồn dung*.

**3.3. Sự ra đời** của các điện thờ tư gia trong vòng 20 năm trở lại đây có một điểm chung là chủ nhân (thủ nhang) của chúng đều trải qua trạng thái bệnh tật kéo dài. Tìm hiểu sơ bộ chúng tôi thấy loại bệnh phổ biến nhất ở họ bắt đầu là bệnh thần kinh. Nhưng sự biểu hiện của căn bệnh này ở mỗi người lại rất khác nhau. Có người đau đầu kéo dài trong nhiều tháng, thậm chí nhiều năm. Trường hợp bệnh nhẹ thì người bệnh thường có ảo giác: nghe thấy những âm thanh lạ, thậm chí giọng nói từ nơi sâu thẳm ra lệnh cho họ làm những việc mà ở trạng thái bình thường họ không thể làm

nổi. Trong những lúc như vậy, họ hành động hoàn toàn vô thức, khi tỉnh lại họ hầu như không biết mình đã làm gì. Có những người bệnh nặng hơn thì rơi vào tình trạng tâm thần hoảng loạn; nặng hơn nữa, họ trở thành những người điên. Sau những nỗ lực cố gắng chữa trị một cách tối đa bằng phương pháp y học không có kết quả, họ đã tìm đến “phương” lễ bái cầu sự gia hộ của thần linh và kết quả là họ trở thành chủ nhân của những điện thờ tư gia. Ngoài nguyên nhân chính này, các yếu tố khác như sự đồng cảm và đức tin của các thành viên trong gia đình cũng đóng vai trò quan trọng.

**3.4. Hoạt động của các điện thờ** này khá sôi động, nhất là vào các ngày rằm, mừng một hằng tháng âm lịch với các hình thức phong phú tùy theo điện thờ đó có “chức năng, nhiệm vụ gì”, thuộc loại hình tín ngưỡng tôn giáo nào. Tuy vậy, cũng có thể kể ra một số hoạt động chính như: Lễ tế Trời-Đất vào các dịp đầu năm, vào hè, ra hè, cuối năm, các ngày tiệc của đạo Mẫu, ngày vía Phật, lễ dâng sao, giải hạn... Ngoài những hoạt động chung của công việc tế lễ này, mỗi điện đều có hoạt động cụ thể mang tính đặc trưng riêng. Điện thờ Trần Hưng Đạo chuyên về việc **trừ tà sát quỷ** bằng bùa chú. Điện Mẫu coi trọng nghi thức **nhập đồng hầu bóng**. Điện Phật **tụng kinh cầu an, cầu giải thoát** cho tất cả chúng sinh. Mục đích chung của các hoạt động tại các điện thờ này, ngoài việc cầu quốc thái dân an, là giải quyết những vướng mắc trần trở ưu tư về mặt tinh thần cho một số người, mà theo họ, đã lâm vào cảnh cùng đường. Có thể nói, về mặt hình thức, hoạt động của các điện thờ tư gia mang tính nhân văn sâu sắc.

**3.5. Tổ chức và kinh sách** của các điện thờ tư gia rất đa dạng, mang tính chất bình dân, pha tạp. Mỗi điện thờ có một nhóm tín đồ riêng biệt do chủ điện

(thủ nhang) đứng đầu, đằng sau họ là những *con nhang*. *Con nhang* là những người thường xuyên tới đó với một bồn phận nhất định. Họ đến một cách tự nguyện do nhu cầu nào đó và khi nhu cầu được đáp ứng họ đã tự giác trở thành *con nhang*. Quan hệ giữa người thủ nhang với các *con nhang* cũng như giữa các *thành viên* với nhau không đặt trên một quy định cụ thể. Ở đây không có tiêu chuẩn cụ thể cho việc gia nhập vào đội ngũ các con nhang, cũng không có điều lệ cho các thành viên. Thành phần các con nhang đa dạng, gồm đủ mọi tầng lớp cư dân, lứa tuổi, giới tính. Sợi dây duy nhất gắn kết các con nhang là “tính thiêng” của điện thờ, biểu hiện qua việc giải quyết từng sự việc cụ thể của mỗi thành viên của điện thờ. Có thể nói, tính chất lỏng lẻo và không cố định về mặt tổ chức của các điện thờ tư gia là rất rõ.

Tổ chức không chặt chẽ đã đưa đến việc sử dụng kinh sách cũng tùy tiện. Ngoài những bộ kinh riêng đặc trưng cho mỗi loại điện thờ như kinh Phật của điện thờ Phật giáo, kinh nhà Trần ở điện thờ Hưng Đạo Đại Vương, kinh Địa Mẫu tại điện thờ Mẫu được tụng đọc thường xuyên, những bộ kinh khác cũng được đọc trong một số hoạt động cụ thể. Chẳng hạn, để chữa bệnh, bất kể loại điện thờ nào nhất thiết phải tụng kinh *Dược sư*, hay giải quyết vấn đề liên quan đến hoạn nạn của một trường hợp cụ thể nào đó không thể không tụng kinh *Phổ môn*... Chưa thể kiểm nghiệm được hiệu quả của hoạt động này, song việc tụng kinh đã trở nên không thể thiếu trong nghi thức sinh hoạt của các điện thờ tư gia.

**4.** Qua tìm hiểu, chúng tôi được biết, **mục đích của những con nhang** đến các điện thờ này là để tìm những lời giải đáp cho các vấn đề bản khoăn khúc mắc trong cuộc sống mà bằng cách thông thường không thể thoả mãn được. Chủ nhân của những điện thờ này cho biết, họ

có thể báo trước những điềm lành, dữ, vận hạn hoặc nguyên nhân của những chuyện rủi ro đã xảy ra và cách khắc phục, chẳng hạn như: ốm đau bệnh tật chữa chạy mãi không khỏi, chuyện không ổn trong gia đình, trắc trở tình duyên, v.v...

**5.** Quan sát cách làm việc của chủ nhân các điện thờ tư gia chúng tôi thấy có người hoàn toàn dựa vào sách được đúc kết bởi kinh nghiệm của người đi trước. Còn lại, đại bộ phận trong số họ dường như là nhận “sự chỉ dẫn” một cách trực tiếp từ “ai đó”. Họ cho rằng, những gì họ làm không thể tìm thấy trong bất cứ kinh sách nào, mà họ cũng không thể học được.

Ngoài công việc hàng ngày là “cứu dân” của chủ điện thờ tư gia, các con nhang còn làm việc “độ thể” bằng các hoạt động như làm lễ cầu siêu cho những người chết trận, chết nạn, cầu mưa khi trời hạn, cầu tạnh khi trời mưa lâu, cầu gió ngừng khi bão giông, lễ dâng hương để bảo tồn những nét văn hóa dân tộc... Hiệu quả của các hoạt động này khó có thể kiểm nghiệm được, song chúng cũng cho thấy rõ tính nhân văn, một trong những nét đặc sắc của văn hóa Việt Nam thể hiện trong quan hệ ứng xử với thiên nhiên.

**6.** Thực chất của vấn đề này là như thế nào, điện thờ tư nhân có phải là nơi thực hành tín ngưỡng tôn giáo mang đậm tính dân gian nhằm đáp ứng nhu cầu tâm linh hay chỉ là nơi để hành nghề mê tín dị đoan? Nó có ý nghĩa gì đối với đời sống của một bộ phận dân cư? Nó đáng được duy trì hay cần phá bỏ? Đây là những vấn đề cần được nghiên cứu nghiêm túc, sâu sắc để làm rõ hơn đặc điểm của tín ngưỡng tôn giáo Việt Nam và góp phần bài trừ nạn mê tín dị đoan hiện đang có xu hướng gia tăng trong một bộ phận dân cư trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay ở nước ta./